

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ - ST

Ngày 15/5/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG - TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Điền.

- Các hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Tuyết và bà Hồ Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lê Trung Nghĩa - Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh:** bà Đoàn Thu Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 23/2025/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2025 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXX - ST ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; nơi thường trú: tổ 4, khu phố Y 6, phường T2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

* **Bị đơn:** anh Lê Công T, sinh năm 1990; nơi thường trú: tổ 11A, khu 4A, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, (hiện đang chấp hành án tại đội 6, phân trại 1, Trại giam Quảng Ninh) anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2025, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị tự nguyện kết hôn với anh Lê Công T vào ngày 16 tháng 12 năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về chung sống cùng nhau tại tổ 4, khu phố Y 6, phường T2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận

hạnh phúc đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống làm ăn sinh hoạt, bản thân chị và gia đình hai bên cũng đã động viên khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không tiếp thu sửa chữa dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, một thời gian sau đó anh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 20 năm tù, hiện đang chấp hành án tại đội 6, phân trại số 1 Trại giam Quảng Ninh. Hai bên sống ly thân nhau.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, có tiếp tục chung sống cũng không thể đem lại hạnh phúc cho nhau, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Công T để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: chị H xác định vợ chồng có 02 con chung Lê Công H3, sinh ngày 28/11/2009 và Lê Bảo H4 sinh ngày 23/11/2018. Tòa án giải quyết ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, chị có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung chu đáo.

- Về tài sản chung và vay nợ: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Công T trình bày trong bản tự khai nội dung như sau: anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về chung sống cùng nhau tại tổ 4, khu phố Y 6, phường T2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó anh phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 20 năm tù, hiện đang chấp hành án tại đội 6, phân trại số 1 Trại giam Quảng Ninh.

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh quan điểm của anh T hoàn toàn đồng ý.

- Về con chung: anh T xác định vợ chồng có 02 con chung Lê Công H3, sinh ngày 28/11/2009 và Lê Bảo H4 sinh ngày 23/11/2018. Do hiện nay anh đang phải chấp hành án nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nên anh T đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

- Về tài sản chung và vay nợ: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị H và anh T, nhưng hiện nay anh T đang phải chấp hành án nên không thể có mặt, anh T chỉ có bản tự

khai gửi Tòa án và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được làm căn cứ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND phường T2, thành phố Hạ Long nơi chị H và anh T sinh sống, bà Trịnh Thị V tổ trưởng tổ 4, khu phố Y 6 và bà Nguyễn Thị Thanh - Phó chủ tịch UBND phường T2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh cho biết, chị Nguyễn Thị H và anh Lê Công T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về chung sống cùng nhau tại tổ 4, khu phố Y 6, phường T2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó anh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 20 năm tù, hiện đang chấp hành án tại đội 6, phân trại số 1 Trại giam Quảng Ninh.

Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T, quan điểm của địa phương nếu vợ chồng không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung Lê Công H3, sinh ngày 28/11/2009 và Lê Bảo H4 sinh ngày 23/11/2018. Hiện tại chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, nếu vợ chồng không về đoàn tụ đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của con chung cũng như điều kiện thực tế của các bên để giao cho người có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và vay nợ của chị H và anh T địa phương không nắm được.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51; 56; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: chị Nguyễn Thị H khởi kiện ly hôn với anh Lê Công T, sinh năm 1990; nơi thường trú: tổ 11A, khu 4A, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh

Quảng Ninh. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tổng đạt cho nguyên đơn và bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Lê Công T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về chung sống cùng nhau tại tổ 4, khu phố Y 6, phường T2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống làm ăn sinh hoạt, bản thân chị và gia đình hai bên cũng đã động viên khuyên giải nhiều lần nhưng anh T không tiếp thu sửa chữa dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, một thời gian sau đó anh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 20 năm tù, hiện đang chấp hành án tại đội 6, phân trại số 1 Trại giam Quảng Ninh. Hai bên sống ly thân nhau.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau, nên chị H yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn và không còn quan tâm dành tình cảm cho nhau là sự thật. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và anh Lê Công T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân chị Nguyễn Thị H và anh Lê Công T có 02 con chung Lê Công H3, sinh ngày 28/11/2009 và Lê Bảo H4 sinh ngày 23/11/2018. Hiện tại chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là trách nhiệm của các bên, hiện nay anh T đang phải chấp hành án nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung; mặt khác để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc học tập nên giao con chung Lê Công H3 và Lê Bảo H4 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Trong bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này chị H có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H và anh T tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nên chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Công T.

2. *Về con chung*: Giao con chung Lê Công H3, sinh ngày 28/11/2009 và Lê Bảo H4 sinh ngày 23/11/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Hà phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn chị H đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001665 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. *Về quyền kháng cáo*: có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn anh Lê Công T báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tp Hạ Long;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS Tp Hạ Long;
- Các đương sự;
- UBND phường H2 (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Điền

